| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐỨC HÒA**<br>TỈNH LONG AN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 166/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2023.
V/v *"Ly hôn"*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Thùy Trang

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Trần Thị Đổi,

2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 615/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số A, khu V, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An. (Có đơn xin vắng mặt)

*2. Bị đơn:* Ông Kim Văn M, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số A, khu V, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An. (Có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 6 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:*

Bà và ông Kim Văn M sống chung với nhau từ năm 1989 đến nay và không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu bà và ông M chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau. Nay, bà S yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Kim Văn M.

Về con chung: Bà và ông M có 04 con chung tên Kim Thị P, sinh ngày 05/8/1994, Kim Thị L, sinh ngày 14/12/1991, Kim Thị T, sinh ngày 10/9/1993 và

Kim Thị Phương T1, sinh ngày 25/5/2004. Do các con chung đã trưởng thành nên bà Số k yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong bản tự khai ngày 07 tháng 6 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Kim Văn M trình bày:*

*Về hôn nhân:* Ông đồng ý với bà S về thời điểm cưới nhau và chung sống. Ông và bà Số k đăng ký kết hôn. Nay bà S yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng đối với ông thì ông đồng ý.

*Về con chung:* Ông và bà S có 04 con chung tên Kim Thị P, sinh ngày 05/8/1994, Kim Thị L, sinh ngày 14/12/1991, Kim Thị T, sinh ngày 10/9/1993 và Kim Thị Phương T1, sinh ngày 25/5/2004. Do các con chung đã trưởng thành nên ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị S nộp đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Kim Văn M, địa chỉ tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An nên căn cứ vào Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S, bị đơn ông Kim Văn M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà S và ông M.

[3] Xét nội dung yêu cầu của bà Nguyễn Thị S:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S và ông Kim Văn M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, nhưng không có đăng ký kết hôn, đúng với xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bà Nguyễn Thị S và ông Kim Văn M nên hôn nhân giữa bà S và ông M không phải là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về nguyên nhân mâu thuẫn: Bà S và ông M thống nhất trình bày trong quá trình chung sống thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau. Bà S yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông M và ông M cũng đồng ý. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân

và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà S.

[3.3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị S và ông Kim Văn M thống nhất có 04 con chung tên Kim Thị P, sinh ngày 05/8/1994, Kim Thị L, sinh ngày 14/12/1991, Kim Thị T, sinh ngày 10/9/1993 và Kim Thị Phương T1, sinh ngày 25/5/2004. Do con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị S và ông Kim Văn M thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 207, Điều 208, Điều 211; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị S và ông Kim Văn M.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003747 ngày 02/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành. Bà S đã nộp đủ. Ông M không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND thị trấn Hiệp Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Thùy Trang**